TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 26/2018/DS-ST
Ngày: 08-11-2018
V/v tranh chấp "Đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Chí Dũng**.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thu Vui.

2. Ông Nguyễn Minh Phương.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Hà Năng Hiển, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An *tham gia phiên tòa*: Ông Phan Đức Trung – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 10 và ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2018/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp "Đòi tài sản*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tô Thị Thùy L, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Khu phố G, thị trấn T, huyện Ttỉnh Long An.

2. Bị đơn:

- Ông Đặng Ngọc P, sinh năm 1968.
- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1975.

Cùng địa chỉ: Khu phố G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

3. Người làm chứng:

- Chị Nguyễn Thị Kiêm O, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Khu phố G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

- Bà Phạm Thị V, sinh năm: 1963; Địa chỉ: Khu phố G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

(Bà L, ông P, bà N, bà V có mặt, chị O vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Tô Thị Thùy L trình bày:

Vào ngày 15/8/2014 (nhằm ngày 20/7/2014 AL) bà Nguyễn Thị N có nhờ bà đứng tên chơi dùm một phần hụi 5.000.000 đồng. Bà đã hốt hụi và giao lại cho bà N

số tiền 100.521.000 đồng, đồng thời bà N phải đóng cho bà 27 phần hụi chết với số tiền là 5.000.000 đồng/tháng. Bà chơi hụi dùm bà N là do bà Phạm Thị V không cho bà N tham gia chơi hụi chung. Bà N nhận tiền của bà về để mua đồ kinh doanh hát Karaoke, khi bà N nhận tiền của bà thì ông P có biết hay không bà không biết nhưng sau này ông P biết việc bà N nhận tiền của bà.

Từ khi nhận tiền cho đến nay bà N không có trả tiền gốc cho bà, bà N có góp tiền lãi theo từng ngày, mỗi ngày góp tiền khác nhau, có ngày góp 20.000 đồng, 30.000 đồng hoặc 50.000 đồng nhưng cũng có ngày bà N không góp nhưng mỗi tháng góp được khoảng 300.000 đồng. Thời gian trả tiền lãi là 40 tháng, từ khoảng tháng 9/2014 (tháng 8/2014 AL) đến tháng 01/2018 (tháng 12/2017 AL), thành tiền là 12.000.000 đồng, bà N trả trực tiếp cho bà được số tiền 750.000 đồng, ông P trả cho bà 10.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bà N, ông P đã trả cho bà là 22.750.000 đồng. Bà N hẹn lấy tiền đền bù đất ở lâm trường sẽ trả tiền cho bà, tuy nhiên đến nay bà N vẫn không trả tiền cho bà.

Tại phiên tòa bà L đồng ý khấu trừ phần tiền bà N, ông P đã trả cho bà là 22.750.000 đồng, sau khi khấu trừ thì số tiền ông P, bà N còn nợ bà là 77.771.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông Đặng Ngọc P và bà Nguyễn Thị N phải liên đới trả cho bà số tiền 77.771.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Năm 2012 bà có vay của bà L số tiền 45.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24kara, bà mượn tiền về cho chị O mượn lại, mỗi tháng bà đóng lãi cho bà L số tiền 5.700.000 đồng, bà góp được cho bà L tổng cộng 25 tháng thành tiền 142.500.000 đồng. Bà nợ bà L sáu tháng tiền lãi nên bà L yêu cầu bà viết biên nhận cộng tiền gốc và tiền lãi thành tiền chơi hụi dùm là 100.521.000 đồng.

Sau khi ký nhận nợ số tiền 100.521.000 đồng thì mỗi thàng bà góp tiếp cho bà L 5.000.000 đồng, bà đã góp được 17 tháng thành tiền là 82.000.000 đồng (có một tháng góp thiếu 3.000.000 đồng). Đồng thời, bà có góp tiền ngày cho bà L được số tiền 44.880.000 đồng, bà và ông Ph trả trực tiếp cho bà L tổng số tiền 12.500.000 đồng. Tổng cộng bà và ông P đã trả cho bà L được tổng số tiền 139.380.000 đồng, việc trả tiền cho bà L không có giấy tờ gì. Sau khi trừ số tiền bà viết biên nhận là 100.521.000 đồng thì bà đã trả dư cho bà L số tiền 38.859.000 đồng.

Nay bà không đồng ý liên đới với ông P trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà L. Đối với số tiền vợ chồng bà đã trả dư là 38.859.000 đồng thì bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đặng Ngọc P trình bày:

Việc vợ ông là bà N mượn tiền của bà L thì ông hoàn toàn không biết, khi bà L đến nhà đòi nợ và chửi bới thì ông mới biết. Sau nhiều lần bà L đến nhà thì ông có trả cho bà L số tiền 10.000.000 đồng, việc ông đưa tiền cho bà L không có giấy tờ gì.

Nay ông không đồng ý liên đới với bà N để trả tiền theo yêu cầu của bà L, đối với số tiền ông đã trả cho bà L thì ông đồng ý khấu trừ vào số tiền bà N đã mượn của bà L.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị Kiêm O trình bày: Năm 2012 chị có nhờ bà N đứng ra vay dùm số tiền 45.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24kara của bà L, còn việc bà N và bà L thỏa thuận vay mượn tiền như thế nào thì chị không biết. Đến nay thì chị đã trả đủ tiền, vàng cho bà N.

Người làm chứng bà Phạm Thị V trình bày:

Ngày 15/7/2014 (âm lịch), bà L có tham gia phần hụi tháng 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần do bà làm đầu thảo, hụi gồm 28 phần. Bà L là người lĩnh hụi đầu tiên với số tiền 100.521.000 đồng (bỏ hụi 1.277.000 đồng, đóng 3.723.00 đồng), trừ tiền đầu thảo 2.500.000 đồng thì số tiền bà L thực lĩnh là 98.021.000 đồng. Bà L phải đóng lại 27 phần hụi chết với số tiền là 135.000.000 đồng (27 phần x 5.000.000 đồng = 135.000.000 đồng), hụi đã mãn vào ngày 20/10/2016 (âm lịch), danh sách những người tham gia chơi hụi và giấy tờ liên quan bà đã làm thất lạc.

Còn việc bà L chơi hụi dùm bà N như thế nào thì bà hoàn toàn không biết, sau này bà chỉ nghe bà L nói lại là chơi dùm. Đồng thời, bà N không gặp bà để xin tham gia chơi hụi như lời trình bày của bà L.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Bà Tô Thị Thùy L khởi kiện ông Đặng Ngọc P, bà Nguyễn Thị N về việc tranh chấp "Đòi tài sản", do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng tham gia phiên tòa. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ các đương sự cung cấp và lời trình bày của các đương sự trong phiên tòa nhận thấy: Thực tế bà N có vay tiền của bà L, sau đó hai bên đã thống nhất viết biên nhận thể hiện bà N nhờ bà L chơi hụi và lĩnh hụi dùm, tổng số tiền lĩnh hụi là 100.521.000 đồng. Mỗi tháng bà N phải có nghĩa vụ trả lại cho bà L 5.000.000 đồng, thời gian trả là 27 tháng. Biên nhận ngày 15/8/2014 (ngày 20/7 âm lịch) thì thời gian bắt đầu góp hụi là ngày 13/8/2014 (ngày 20/8 âm lịch), đóng 27 tháng, mỗi tháng 5.000.000 đồng thành tiền là 135.000.000 đồng (27 tháng x 5.000.000 đồng = 135.000.000 đồng), đến này 13/11/2016 mãn hụi) Bút lục số: 26.

Tuy nhiên trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, xác minh thu thập chứng cứ, cũng như diễn biến tại phiên tòa bà L luôn khẳng định số tiền 100.521.000 đồng là số tiền bà chơi hụi dùm và lĩnh hụi đầu trong phần hụi 5.000.000 đồng có 28 người chơi đưa cho bà N, nhưng trong giấy biên nhận chơi hụi dùm không thể hiện việc đã nhận tiền, đồng thời số tiền bà V (chủ hụi) khai giao cho bà L không trùng khớp với số tiền bà L khai giao cho bà Nhớ. Như vậy, thực tế bà L có chơi hụi với bà V, còn việc chơi hụi dùm của bà L với bà N thì không đủ cơ sở chứng minh. Do vậy có căn cứ cho rằng lời trình bày của bà L chơi hụi dùm bà N và hiện nợ lại số tiền hụi đã lĩnh là 100.521.000 đồng là không đúng sự thật. Vì vậy, có cơ sở để xác

định biên nhận hụi ngày 13/8/2014 (ngày 20/7 âm lịch) thực tế là hợp đồng giả cách, che dấu hợp đồng vay tài sản.

Bà N thừa nhận có vay của bà L 45.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24kara, sau đó không có khả năng trả nên bà L tính cả lãi và nợ gốc cộng lại thành tiền với số tiền 100.521.000 đồng như biên nhận hụi là có cơ sở.

Theo lời trình bày của bà L thì bà N đã trả cho bà mỗi tháng 300.000 đồng từ tháng 8/2014 đến 12/2017 số tiền 12.000.000 đồng, một lần trả số tiền 750.000 đồng, ông P chồng bà N trả 10.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền bà N đã trả là 22.750.000 đồng.

Bà N trình bày từ khi viết biên nhận hụi ngày 15/8/2014, đến nay bà đã trả cho bà L hàng tháng cộng lại tổng số tiền là 139.380.000 đồng (trả dư số tiền 38.859.000 đồng) nhưng bà N cũng không có chứng cứ chứng minh. Do bà N không có chứng cứ chứng minh số tiền đã trả cho bà L là 139.380.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo lời thừa nhận của bà L, đối với số tiền bà N đã trả cho bà L là 22.750.000 đồng để làm cơ sở trừ vào số nợ gốc 45.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24kra. Như vậy thực tế số tiền bà N còn phải trả cho bà Linh là 22.250.000 đồng và 05 chỉ vàng 24kra.

Căn cứ Điều 256, 471, 474 Bộ luật dân sự 2005, xét thấy có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu của bà L.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về trách nhiệm liên đới trả nợ giữa bà N với ông P. Xét thấy mối quan hệ giữa bà N với ông P là vợ chồng, việc vay tiền của bà N trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, khi bà N vay tiền thì ông P không biết và số tiền này bà N vay dùm cho chị O, được chị O thừa nhận. Do đó, căn cứ các Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân gia đình không chấp nhận yêu cầu trách nhiệm liên đới của bà L, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp "Đòi tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Nguyễn Thị N, ông Đặng Ngọc P đang sinh sống và trú tại khu phố G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tranh chấp giữa các bên đương sự phát sinh trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Do đó, Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết theo quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Bà L yêu cầu vợ chồng ông P, bà N phải liên đới trả số tiền 77.771.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất và cung cấp biên nhận do bà Nguyễn Thị N viết và ký tên. Bà Nguyễn Thị N không đồng ý trả tiền cho bà L vì bà N không còn nợ tiền bà L. Ông Đặng Ngọc P không đồng ý liên đới với bà N trả tiền cho bà L.

[3] Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Bà L cho rằng bà chơi hụi dùm bà N và lĩnh hụi đầu trong phần hụi 5.000.000 đồng/tháng có 28 người chơi đưa cho bà N số tiền 100.521.000 đồng. Tuy nhiên, trong giấy biên nhận chơi hụi dùm không thể hiện việc đã nhận tiền, bà V chủ hụi khai giao cho bà L số tiền lĩnh hụi 98.021.000 đồng không trùng khớp với số tiền bà L khai giao cho bà N là 100.521.000 đồng. Đồng thời, bà V khẳng định bà V hoàn toàn không biết việc bà L chơi hụi dùm bà N và bà N cũng không đến gặp bà để xin tham gia chơi hụi như lời trình bày của bà L. Mặt khác, số tiền bà L phải góp hụi lại cho bà V là 135.000.000 đồng (27 lần góp x 5.000.000 đồng/tháng = 135.000.000 đồng), nếu bà L chơi hụi dùm bà N thì bà L đã yêu cầu bà N viết biên nhận thể hiện số tiền phải góp hụi là 135.000.000 đồng chứ không phải số tiền 100.521.000 đồng.

[3.2] Bà N cho rằng bà có vay của bà L số tiền 45.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24 kara, do không có khả năng đóng lãi nên bà L yêu cầu bà viết biên nhận chơi hụi dùm với số tiền 100.521.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với lời khai của người làm chứng là chị O.

[3.3] Từ nhận định [3.1], [3.2] Hội đồng xét xử xét thấy biên nhận nợ do bà N viết thể hiện nội dung nhờ bà L chơi hụi dùm với số tiền 100.521.000 đồng là giả tạo nhằm che giấu hợp đồng vay tài sản giữa các bên. Như vậy số tiền, vàng bà N nợ bà L là 45.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24kara.

[3.4] Bà N cho rằng sau khi viết biên nhận nợ thì vợ chồng bà có trả cho bà L tổng cộng số tiền là 139.380.000 đồng (ông P trả 10.000.000 đồng, bà N trả 129.380.000 đồng). Tuy nhiên, bà N không có chứng cứ chứng minh việc trả tiền cho bà L và bà L cũng không thừa nhận việc bà N trả tiền nên không có cơ sở để xem xét.

[3.5] Bà L thừa nhận tổng số tiền bà N, ông P đã trả cho bà là 22.750.000 đồng và bà L đồng ý khấu trừ số tiền này vào phần nợ gốc. Do đó, cần phải trừ số tiền 22.750.000 đồng bà N và ông P đã trả cho bà L vào số tiền bà N vay của bà L là 45.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24kara. Như vậy, số tiền bà N hiện nay còn nợ bà L là 22.250.000 đồng (45.000.000 đồng – 22.750.000 đồng = 22.250.000 đồng) và 05 chỉ vàng 24 kara.

[3.6] Bà L, bà N đều thừa nhận khi bà N vay tiền của bà L thì ông P hoàn toàn không biết. Mối quan hệ giữa bà N với ông P là vợ chồng, việc vay tiền của bà N trong thời kỳ hôn nhân nhưng khi bà N vay tiền thì ông P không biết và số tiền, vàng bà N vay dùm cho bà O, được bà O thừa nhận. Do đó, không có căn cứ buộc ông P phải liên đới với bà N để trả tiền, vàng cho bà L.

[3.7] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L về việc buộc bà N phải trả số tiền 22.250.000 đồng và 05 chỉ vàng 24 kara.

[3.8] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu của bà L chỉ được chấp nhận một phần nên bà L chịu 5% tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận là 38.216.000 đồng [77.771.000 đồng – 39.555.000 đồng (22.250.000 đồng + 05 chỉ vàng 24kara thành tiền 17.305.000 đồng) = 38.216.000 đồng].

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 5% tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 22.250.000 đồng và 05 chỉ vàng 24 kara phải có nghĩa vụ trả cho bà L.

Ông Đặng Ngọc P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 256, 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các Điều 27, 37 luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Thùy L đối với bà Nguyễn Thị N về việc tranh chấp "Đòi tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả cho bà Tô Thị Thùy L số tiền 22.250.000 đồng và 05 chỉ vàng 24kara.

Kể từ ngày bà Tô Thị Thùy L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị N chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà Nguyễn Thị N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Vàng không tính lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

2. Về án phí:

Bà Tô Thị Thùy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.910.000 đồng (đã làm tròn), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai số 0008255 ngày 01 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Bà L được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 590.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.977.000 đồng (đã làm tròn).

Ông Đặng Ngọc P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện/tỉnh;*
- *Chi cục THA DS;*
- *Các Đ/s;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Lê Chí Dũng